BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Năm 2013

Mẫu số B02-DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**21**	**785.008.330.034**	**532.336.154.596**
2. Các khoản giảm trừ	02	**21**	78.568.251	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**	**21**	**784.929.761.783**	**532.336.154.596**
4. Giá vốn hàng bán	11	**22**	747.058.061.745	440.378.814.499
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**37.871.700.038**	**91.957.340.097**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	**23**	8.356.884.144	6.235.987.009
7. Chi phí tài chính	22	**24**	39.500.369.714	47.312.604.872
Trong đó: chi phí lãi vay	*23*		*21.287.928.271*	*22.878.768.162*
8. Chi phí bán hàng	24		14.418.458.348	7.474.239.848
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		30.754.454.557	24.607.572.569
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	**30**		**(38.444.698.437)**	**18.798.909.817**
11. Thu nhập khác	31	**25**	136.254.959.909	105.946.812.520
12. Chi phí khác	32	**25**	83.294.517.149	8.060.241.153
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**	**25**	**52.960.442.760**	**97.886.571.367**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+41)	**50**		**14.515.744.323**	**116.685.481.184**
15.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	**26**	3.181.047.498	28.393.311.576
15.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	**60**		**11.334.696.825**	**88.292.169.608**
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**27**	**553**	**4.307**

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Đỗ Minh Sơn	Nguyễn Ngọc Cách	Dương Khuê

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 48 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp